

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST
Ngày: 08/6/2021
V/v “Tranh chấp dân sự về nợ hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Mai Hương**

Bà **Võ Thị Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2021/TLST-DS, ngày 08/3/2021 về việc “Tranh chấp dân sự về nợ hui” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2021/QĐST-DS ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M Th, xã M X, huyện C L, tỉnh Đ T.

Bị đơn: **Lê Ánh Th** sinh năm 1976;

Đỗ T T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp M Th, xã M X, huyện C L, tỉnh Đ T.

(Anh T T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 18/02/2018 (al) chị có tham gia hui do vợ chồng chị Th, anh T T làm đầu thảo, phân hui mà chị tham gia là hui 2.000.000đồng thành viên 18 người, mở hui (khui) lần đầu tiên ngày 18/02/2018 (al) và hàng tháng sẽ mở hui 01 lần. Dây hui này chị tham gia 01 phần (01 chân) và nộp hui sống 17 lần số tiền 26.050.000đồng đến ngày 18/05/2019 (al) chị Th, anh T T tuyên bố vỡ hui ngưng giao dịch về hui và chốt sổ hui với chị để tiến hành trả phần hui mà chị đã đóng 17 lần 26.050.000đồng.

Tuy nhiên, qua nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nhưng vợ chồng chị Th, anh Thương không thực hiện. Nay chị L yêu cầu chị Lê Ánh Th và anh Đỗ T T liên đới trả số tiền hui 26.050.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- **Bị đơn Lê Ánh Th trình bày:** Chị Th xác định chị có làm đầu thảo dây hui 2.000.000đồng như chị L trình bày. Khi ngưng hui chị L đã nộp hui được 17 lần với số tiền 26.050.000đồng. Việc giao dịch hui chị Th là người đầu thảo còn anh T T chồng chị người thu hui theo định kỳ nên biết việc giao dịch hui mà chị L tham gia. Chị xác định còn nợ phần hui mà chị L nộp 26.050.000đồng và đồng ý trả số tiền này cho chị L.

- Anh Đỗ T T vắng mặt khi hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:** giấy hui (photo);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét thấy:

Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hui, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hui và bị đơn có nơi cư trú tại xã M X, huyện Cao Lãnh nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp dân sự về nợ hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh Đỗ T T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải cũng như xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên áp dụng điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy hui được chị Th giao cho chị L giữ thể hiện dây hui 2.000.000đồng được mở hui ngày 18/02/2018 (al) chị L có tham gia và Th làm đầu thảo, mở định kỳ hàng tháng, hui viên 18 người, chị L nộp được 17 lần hui (hui sống) tương ứng số tiền 26.050.000đồng. Ngày 18/5/2019 (al) chị Th, anh T T tuyên bố ngưng hui và chốt số tiền hui mà chị L đã nộp 26.050.000đồng. Và cho đến nay anh T T, chị Th không thực hiện việc hoàn hui là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền hui khi dây hui ngưng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; điều 20, 25, 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường. Do đó chị L yêu cầu hoàn trả tiền hui 26.050.000đồng, tại phiên tòa chị Th đồng ý trả là có căn cứ nên chấp nhận. Về yêu cầu anh T T liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng anh T T chồng chị Th theo chị Th trình bày anh là người có trách nhiệm đứng ra thu tiền hui của các

hội viên nên biết giao dịch hội của chị Th vì vậy anh phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Th trả nợ chung vợ chồng theo điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Vậy anh T T và chị Th có nghĩa vụ trả tiền hội (hội sống) cho chị L 26.050.000đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã nộp trước được hoàn lại toàn bộ. Và số tiền án phí anh T T, chị Th phải nộp là 26.050.000đồng x 5% = 1.302.500đồng;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, điều 20, 25, 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hộ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.
- Buộc chị Lê Ánh Th và anh Đỗ T T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L 26.050.000đồng tiền hội (hai mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- + Anh Đỗ T T và chị Lê Ánh Th phải nộp 1.302.500đồng.

+ Chị Nguyễn Thị L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị L 650.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012327 ngày 05/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ của bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang